

Số: 1767 /CNPĐ-KHKD
V/v đề nghị báo giá chi phí Mua vật tư dự
phòng cho CSU 1&2

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí là Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, có trụ sở tại Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

Hiện nay, Chi nhánh Phát điện Dầu khí đang có nhu cầu Mua vật tư dự phòng cho CSU 1&2 – NMNĐ Sông Hậu 1, địa điểm tại Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang. Do đó, Chi nhánh chúng tôi rất mong các nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực nêu trên xem xét, hỗ trợ báo giá chi phí Mua vật tư dự phòng cho CSU 1&2 – NMNĐ Sông Hậu 1 với các thông tin như đính kèm.

Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi đại diện của Quý Công ty và gửi tới Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 17/10/2024. File mềm (soft copy) xin gửi về địa chỉ email: vanthuhn@pvpgb.vn và linhptn@pvpgb.vn. Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ: Bà Phạm Thị Ngọc Linh – Phòng KHKD, ĐT: 0968.362.611

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐCN (để b/c);
- Lưu: VT, KHKD (P.T.N.L).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Quyết Thắng



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
I	Hộp số dẫn động gầu tải					
1	Bevel pinion shaft	Pos. 100 Part No. 000.000.561.171	Siemens	1	cái	Spare part thay thế cho Gear box: Model: B4 DH 16 C No. NFJ/46086078-6210-001/2017 P2 = 181 kW n1: 1500 [rpm] n2: 16.93 [rpm] Hãng sản xuất: Siemens
2	Bevel gear	Pos. 102 Part No. 000.000.561.336	Siemens	1	cái	
3	Shaft seal	Pos. 132 Part No. 000.000.821.907	Siemens	1	cái	
4	Rolling contact bearing	Pos. 150, 151 Part No. 000.000.380.569	Siemens	2	cái	
5	Shaft seal	Pos. 232 Part No. 000.001.162.004	Siemens	1	cái	
6	Shaft seal	Pos. 233 Part No. 000.000.307.028	Siemens	1	cái	
7	Rolling contact bearing	Pos. 250, 251 Part No. 000.000.378.064	Siemens	2	cái	
8	Rolling contact bearing	Pos. 350, 351 Part No. 000.000.380.879	Siemens	2	cái	
9	Rolling contact bearing	Pos. 450, 451 Part No. 000.000.781.891	Siemens	2	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
10	Pinion shaft	Pos. 500 Part No. 000.000.677.263	Siemens	1	cái	
11	Rolling contact bearing	Pos. 550, 551 Part No. 000.000.380.568	Siemens	2	cái	
II	Hộp số dẫn động băng tải					
12	Gear box	Model: B3 DH 05 ANo. NFJ/46086078-6810-001/2016P2 - 48 kWn1: 1500 [rpm]n2: 107.42 [rpm]	Siemens	1	cái	
III	Hộp số quay cần					
13	Gear box	Model: ZHP 3.31 Part number: 7000913_2 Equipment No. 12444201A.72A.100226.101 Torque: 150 000 [Nm]	FAM	1	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
14	Gear box	Model: KAF97 Serial number: 01.7360937208.0001X16 IM M5A IP: 56 i: 13.85	SEW	1	cái	
15	Oil seal	WBASF95x125x13/10-FKM No.9 Part No.00178136	SEW	1	cái	Spare part dự phòng cho Gear box: Model: KAF97 Serial number: 01.7360937208.0001X16 IM M5A IP: 56 i: 13.85 Hãng sản xuất: SEW
16	Oil seal	WB1SF95x119x11/17,5-FKM No.10 Part No.00173738	SEW	1	cái	
17	Tapered roller bearing 30219	No.11, 25 Part No.00139203	SEW	2	cái	
18	Tapered roller bearing 30309	No. 30, 37, 45 Part No.00139297	SEW	3	cái	
19	Tapered roller bearing 30309	No. 42 Part No.00124699	SEW	1	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
20	Oil seal	WBASF95x170x13/10-FKM No. 183 Part No.00178128	SEW	1	cái	
21	Oil seal	WB1SF95x163x10/16,5-FKM No. 184 Part No.0017372X	SEW	1	cái	
IV	Hộp số quay BE					
22	Gear box	Model: ZHP 3.22 Part number: 27000148_4 Equipment No. 12444201A.72A.495024.101 Torque: 8140 [Nm]	FAM	1	cái	
V	Hộp số quay mâm cấp					
23	Gear box	Model: KF97 Serial number: 01.7360937205.0001X16 IM M6A IP: 56 i: 18.96	SEW	1	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
24	Gear box	Model: KF97 Serial number: 01.7360937206.0002X16 IM M6B IP: 56 i: 18.96	SEW	1	cái	
25	Tapered roller bearing 30309	No.30, 37, 45 Part No.00139297	SEW	3	cái	Spare part dự phòng cho Gear box: Model: KF97 Serial number: 01.7360937205.0001X16 IM M6A IP: 56 i: 18.96 Hãng sản xuất: SEW
26	Tapered roller bearing 30215	No.11 Part No.00106011	SEW	1	cái	
27	Tapered roller bearing 30214	No.25 Part No.00139270	SEW	1	cái	
28	Tapered roller bearing 30310	No.42 Part No.00124699	SEW	1	cái	
29	Oil seal	W AS75x95x10-FKMNo.9Part No.00175846	SEW	1	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
30	Oil seal	WA75x95x10-FKM No.10 Part No.00175056	SEW	1	cái	
31	Oil seal	WA55x90x8-FKM FKO-K51 No.106 Part No.13298305	SEW	1	cái	Vật tư dự phòng cho động cơ điện của Gear box: Model: KF97
32	Oil Flinger	No.107 Part No.0011667X	SEW	1	cái	
VI	Hộp số dẫn động xích cào					
33	Gear box	Model: KH107/T Serial number: 01.7360937207.0001X16 IM M3-M2B/20° IP: 56 i: 100.75	SEW	1	cái	
34	Oil seal	WAS118x150x12-FKM No.9 Part No.00176095	SEW	1	cái	Vật tư dự phòng cho hộp số Model: KH107/T Serial number: 01.7360937207.0001X16 IM M3-M2B/20° IP: 56
35	Oil seal	WA118x150x12-FKM No.10 Part No.00175307	SEW	1	cái	



Phụ lục: Danh mục vật tư dự phòng cho CSU 1&2
(Đính kèm công văn số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
36	Tapered roller bearing 30224	No.11, 25 Part No.00112666	SEW	2	cái	i: 100.75 Hãng sản xuất: SEW
37	Tapered roller bearing 302310	No.30, 37, 42, 45 Part No.0012124X	SEW	4	cái	
38	Oil seal	WAS118x150x12-FKM No.183 Part No.00176095	SEW	1	cái	
39	Oil seal	WA118x150x12-FKMNo.183Part No.00175307	SEW	1	cái	



